

Phụ lục 1

TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

Chi tiết theo từng chủ đầu tư khu Đông

(Kèm theo Báo cáo số 185/BC-STC ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Sở Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Đầu mối giao kế hoạch/Tên dự án	Kế hoạch vốn năm 2026						Giải ngân đến ngày 09/3/2026		Giải ngân đến ngày 31/03/2026		Giá trị giải ngân tăng thêm	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó										
			Vốn NSTW	Vốn NSDP	Vốn NSDP bao gồm:								
					XDCB tập trung	Nguồn thu tiền SDD	XSKT	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)		
1	2	3=4+5	4	5=6+7+8	6	7	8	11	12			35	
	Tổng số	3.979.310	59.000	3.920.310	1.880.442	1.812.868	227.000	94.871	2,4%	249.828	6,3%	154.957	
A	Sở, ban, ngành tỉnh	3.450.575	59.000	3.391.575	1.712.442	1.452.133	227.000	94.871	2,7%	240.882	7,0%	146.011	
1	BQLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh	1.777.775	50.000	1.727.775	1.012.942	714.833	-	29.891	1,7%	111.439	6,3%	81.548	
2	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	1.250.500	-	1.250.500	576.500	447.000	227.000	36.196	2,9%	100.345	8,0%	64.149	
3	Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh	224.800	-	224.800	10.000	214.800	-	11.665	5,2%	11.979	5,3%	314	
4	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	22.000	-	22.000	16.500	5.500	-	15.675	71,3%	15.675	71,3%	-	
5	Công an tỉnh	150.000	-	150.000	80.000	70.000	-	1.444	1,0%	1.444	1,0%	-	
6	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	15.000	-	15.000	15.000	-	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
7	Sở Tài chính	10.500	9.000	1.500	1.500	-	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
B	Các địa phương	528.735	-	528.735	168.000	360.735	-	-	0,0%	8.946	162,2%	8.946	
1	UBND xã Bình Sơn	5.600	-	5.600	3.000	2.600	-	-	0,0%	2.162	38,6%	2.162	
2	UBND xã Vạn Tường	8.200	-	8.200	3.000	5.200	-	-	0,0%	2.573	31,4%	2.573	
3	UBND phường Cẩm Thành	21.400	-	21.400	3.000	18.400	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
4	UBND phường Nghĩa Lộ	20.400	-	20.400	3.000	17.400	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
5	UBND phường Trương Quang Trọng	105.740	-	105.740	3.000	102.740	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
6	UBND xã Bình Minh	3.425	-	3.425	3.000	425	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
7	UBND xã Bình Chương	3.127	-	3.127	3.000	127	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
8	UBND xã Đông Sơn	3.425	-	3.425	3.000	425	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
9	UBND xã Trà Bồng	4.275	-	4.275	3.000	1.275	-	-	0,0%	1.283	30,0%	1.283	
10	UBND xã Đông Trà Bồng	3.187	-	3.187	3.000	187	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
11	UBND xã Tây Trà	3.161	-	3.161	3.000	161	-	-	0,0%	316	10,0%	316	
12	UBND xã Thanh Bồng	3.000	-	3.000	3.000	-	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
13	UBND xã Cà Đam	3.017	-	3.017	3.000	17	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
14	UBND xã Tây Trà Bồng	3.000	-	3.000	3.000	-	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
15	UBND xã An Phú	6.700	-	6.700	3.000	3.700	-	-	0,0%	851	12,7%	851	
16	UBND xã Tịnh Khê	79.107	-	79.107	3.000	76.107	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
17	UBND xã Trường Giang	3.255	-	3.255	3.000	255	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
18	UBND xã Ba Gia	3.467	-	3.467	3.000	467	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
19	UBND xã Sơn Tịnh	8.350	-	8.350	3.000	5.350	-	-	0,0%	478	5,7%	478	
20	UBND xã Thọ Phong	10.150	-	10.150	3.000	7.150	-	-	0,0%	380	3,7%	380	
21	UBND xã Tư Nghĩa	36.100	-	36.100	3.000	33.100	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
22	UBND xã Vệ Giang	6.200	-	6.200	3.000	3.200	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
23	UBND xã Nghĩa Giang	11.228	-	11.228	3.000	8.228	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
24	UBND xã Trà Giang	6.400	-	6.400	3.000	3.400	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
25	UBND xã Nghĩa Hành	8.750	-	8.750	3.000	5.750	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
26	UBND xã Đình Cường	3.850	-	3.850	3.000	850	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
27	UBND xã Thiện Tín	3.850	-	3.850	3.000	850	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
28	UBND xã Phước Giang	8.100	-	8.100	3.000	5.100	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
29	UBND xã Minh Long	4.700	-	4.700	3.000	1.700	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
30	UBND xã Sơn Mai	3.085	-	3.085	3.000	85	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
31	UBND xã Long Phụng	10.600	-	10.600	3.000	7.600	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
32	UBND xã Mộ Cày	8.250	-	8.250	3.000	5.250	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
33	UBND xã Mộ Đức	8.100	-	8.100	3.000	5.100	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
34	UBND xã Lân Phong	7.675	-	7.675	3.000	4.675	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
35	UBND phường Trà Câu	5.040	-	5.040	3.000	2.040	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
36	UBND phường Đức Phổ	11.500	-	11.500	3.000	8.500	-	-	0,0%	-	0,0%	-	

TT	Đầu mối giao kế hoạch/Tên dự án	Kế hoạch vốn năm 2026						Giải ngân đến ngày 09/3/2026		Giải ngân đến ngày 31/03/2026		Giá trị giải ngân tăng thêm	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó										
			Vốn NSTW	Vốn NSDP	Vốn NSDP bao gồm:								
					XDCB tập trung	Nguồn thu tiền SDD	XSKT	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)		
37	UBND phường Sa Huỳnh	4.275	-	4.275	3.000	1.275	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
38	UBND xã Nguyễn Nghiêm	6.825	-	6.825	3.000	3.825	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
39	UBND xã Khánh Cường	4.275	-	4.275	3.000	1.275	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
40	UBND xã Ba Vì	4.275	-	4.275	3.000	1.275	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
41	UBND xã Ba Tô	3.111	-	3.111	3.000	111	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
42	UBND xã Ba Đình	3.009	-	3.009	3.000	9	-	-	0,0%	903	30,0%	903	
43	UBND xã Ba Tư	4.360	-	4.360	3.000	1.360	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
44	UBND xã Ba Vinh	3.009	-	3.009	3.000	9	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
45	UBND xã Ba Động	3.170	-	3.170	3.000	170	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
46	UBND xã Đặng Thùy Trâm	3.000	-	3.000	3.000	-	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
47	UBND xã Ba Xa	3.000	-	3.000	3.000	-	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
48	UBND xã Sơn Hạ	3.144	-	3.144	3.000	144	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
49	UBND xã Sơn Linh	3.077	-	3.077	3.000	77	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
50	UBND xã Sơn Hà	4.600	-	4.600	3.000	1.600	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
51	UBND xã Sơn Thủy	3.111	-	3.111	3.000	111	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
52	UBND xã Sơn Kỳ	3.153	-	3.153	3.000	153	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
53	UBND xã Sơn Tây	3.535	-	3.535	3.000	535	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
54	UBND xã Sơn Tây Thượng	3.017	-	3.017	3.000	17	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
55	UBND xã Sơn Tây Hạ	3.000	-	3.000	3.000	-	-	-	0,0%	-	0,0%	-	
56	UBND đặc khu Lý Sơn	14.375	-	14.375	3.000	11.375	-	-	0,0%	-	0,0%	-	

Phụ lục 2
TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

Chi tiết theo từng dự án khu Đông có kế hoạch vốn lớn
(Kèm theo Báo cáo số 185/BC-STC ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Sở Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Đầu mối giao kế hoạch/Tên dự án	Kế hoạch vốn giao năm 2026						Giải ngân đến ngày 31/3/2026		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó							
			Vốn NSTW	Vốn NSDP	Vốn NSDP bao gồm:					
					XDCB tập trung	Nguồn thu tiền SDD	XSKT	Giá trị	Tỷ lệ (%)	
1	2	3=4+5	4	5=6+7+8	6	7	8	9	10=9/3	11
1	BQLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh	-	-	-	-	-	-	-		
*	Dự án nguồn NSTW									
1	Nâng cấp, cải tạo quốc lộ 24B đoạn Km23 - Km29	50.000	50.000					638	1,3%	
*	Dự án của tỉnh									
2	Thành phần II, đoạn Bình Long - cảng Dung Quất (giai đoạn 2)	7.000		7.000	7.000				0,0%	
3	Tuyến đường giao thông trục chính nối Trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường	20.000		20.000	5.000	15.000			0,0%	
4	Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc	31.000		31.000	31.000			14.959	48,3%	
5	Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong	110.000		110.000	80.000	30.000		479	0,4%	
6	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, thành phần I	110.000		110.000	110.000			3.814	3,5%	
7	Đường ven biển Dung Quất – Sa Huỳnh, giai đoạn IIb	130.000		130.000	130.000			9.762	7,5%	
8	Các tuyến đường trục vào KCN nặng Dung Quất Phía Đông	26.000		26.000	5.000	21.000			0,0%	
9	Tuyến đường trục liên cảng Dung Quất I	7.000		7.000	7.000				0,0%	
10	Đường nối Quốc lộ 1A đến đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi (giai đoạn 1)	1.175		1.175	1.175				0,0%	
11	Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi	330.000		330.000		330.000		6.000	1,8%	
12	Kè chống sạt lở và tôn tạo cảnh quan bờ Nam sông Trà Khúc (Cầu Trà Khúc 1 - Bến Tam Thương)	100.000		100.000	100.000				0,0%	
13	Nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn KKT Dung Quất	100.000		100.000	80.000	20.000		3.209	3,2%	
14	Cầu Trà Khúc 1	380.000		380.000	334.167	45.833			0,0%	
15	Đê chắn cát, giảm sóng và Nạo vét thông luồng và Khu neo đậu tránh bão cảng cá Sa Huỳnh	105.000		105.000	90.000	15.000			0,0%	
16	Nâng cấp, mở rộng hệ thống tiêu Suối Kinh, chống ngập úng xã Tịnh Thọ và KCN Vsip	20.000		20.000		20.000			0,0%	
17	Sửa chữa, mở rộng kênh tưới hồ chứa nước Tuyền Tung, huyện Bình Sơn	26.000		26.000		26.000			0,0%	
18	Đầu tư xây dựng kè chống sạt lở kết hợp tạo quỹ đất bờ Bắc sông Trà Khúc, đoạn qua xã Tịnh An và xã Tịnh Long, thành phố Quảng Ngãi	16.000		16.000		16.000		6.387	39,9%	
19	Đầu tư xây dựng kè chống sạt lở kết hợp tạo quỹ đất bờ Bắc sông Trà Khúc, đoạn qua xã Tịnh Long và xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi	5.000		5.000		5.000			0,0%	
*	Dự án của huyện chuyển về tỉnh									
	Bình Sơn									
20	Dự án Đường vành đai Tây Bắc thị trấn Châu Ổ	6.000		6.000	6.000				0,0%	
21	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Vạn Tường	30.000		30.000		30.000			0,0%	
22	Dự án Đường từ ĐT.621 đi Lê Ngung	10.000		10.000	3.000	7.000			0,0%	
23	Dự án Trồng cây xanh cụm công nghiệp Bình Nguyên	10.000		10.000		10.000			0,0%	
	Sơn Tịnh	-		-						
24	Tuyến N9 Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh (mới)	18.000		18.000		18.000			0,0%	

TT	Đầu mối giao kế hoạch/Tên dự án	Kế hoạch vốn giao năm 2026						Giải ngân đến ngày 31/3/2026		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó							
			Vốn NSTW	Vốn NSDP	Vốn NSDP bao gồm:					
					XDCB tập trung	Nguồn thu tiền SDD	XSKT	Giá trị	Tỷ lệ (%)	
25	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trường Xuân - Quốc lộ 24B - Tịnh Thọ (Bình Hiệp - Tịnh Trà) (ĐH 20)	15.000		15.000		15.000			0,0%	
26	Trung tâm văn hóa (giai đoạn 2)	15.000		15.000		15.000			0,0%	
27	Tuyến đường trục ngang N3 theo đồ án quy hoạch chung đô thị mới Sơn Tịnh	10.000		10.000		10.000		150	1,5%	
28	Tuyến đường huyện ĐH.15 (Bình Hiệp - Tịnh Trà)	10.000		10.000		10.000		7.350	73,5%	
	Sơn Hà	-		-						
29	Đường tránh Tây thị trấn Di Lăng	25.000		25.000		25.000			0,0%	
	Trà Bồng	-		-						
30	Tuyến đường Trà Thanh, huyện Trà Bồng đi Trà Giáp, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam	15.000		15.000		15.000			0,0%	
2	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh									
*	Dự án của tỉnh									
1	Nâng cấp, cải tạo sân vận động tỉnh và đường vành đai xung quanh sân vận động	10.000		10.000	10.000			988	9,9%	
2	Đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị y tế của ngành Y tế	102.000		102.000			102.000	37.496	36,8%	
3	Trường Chính trị tỉnh (giai đoạn 2)	10.000		10.000	10.000			4.813	48,1%	
4	Trường THPT Lý Sơn	9.500		9.500	9.500			1.848	19,5%	
5	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư và khu nghĩa địa cải táng mộ mã phục vụ các dự án tại Khu công nghiệp, dịch vụ, đô thị Bình Thạnh	100.000		100.000	70.000	30.000		34.498	34,5%	
6	Hệ thống thu gom, xử lý nước mưa, nước thải thành phố Quảng Ngãi lưu vực phía Nam hạ lưu sông Trà Khúc	382.500		382.500	200.000	182.500		3.391	0,9%	
7	Công viên Cây xanh Thạch Bích	120.000		120.000	90.000	30.000			0,0%	
8	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh (Hạng mục: Khoa Y học nhiệt đới, Khoa Ung Bướu, Khoa Phục hồi chức năng, Khoa thận nhân tạo, Khoa ngoại lệ, Kho lưu trữ hồ sơ, Kho hành chính)	30.000		30.000	30.000			1.832	6,1%	
*	Dự án của huyện chuyển về tỉnh									
	Minh Long									
9	Đường và kè chống sạt lở từ xóm mới đến suối Tía, xã Long Hiệp, huyện Minh Long	12.000		12.000		12.000		-	0,0%	
	Đức Phổ	-		-						
10	Đường Huỳnh Công Thiệu nối dài	10.000		10.000	5.000	5.000			0,0%	
11	Hệ thống thoát nước khu vực đô thị (từ cầu Bàu đến sông Rớ)	20.000		20.000	5.000	15.000			0,0%	
	Tư Nghĩa	-		-						
12	Sửa chữa, nâng cấp dự án đường Nghĩa Thuận - Nghĩa Thọ - đèo Chim Hút	10.000		10.000	5.000	5.000		-	0,0%	
13	Đường Phan Đình Phùng nối dài (đoạn từ KDC Phú Sơn đến đường dẫn cao tốc)	30.000		30.000	5.000	25.000		2.500	8,3%	
	Mộ Đức	-		-						
14	Tuyến đường Đông Thị trấn (đường nội thị), huyện Mộ Đức	15.000		15.000	5.000	10.000			0,0%	
15	Tuyến đường Đức Tân (Quẹo Thừa Xuân) - Quốc lộ 24 (đoạn nội thị)	15.000		15.000	5.000	10.000		1.565	10,4%	
	TP Quảng Ngãi	-		-						
16	Đường Lê Thánh Tôn, thành phố Quảng Ngãi (đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến Ngã Tư Ba La)	15.000		15.000	5.000	10.000			0,0%	
17	Mở rộng nút giao thông ngã 5 cũ, thành phố Quảng Ngãi	20.000		20.000		20.000			0,0%	
18	Đầu tư, nâng cấp các Trường THCS trên địa bàn thành phố	40.000		40.000			40.000		0,0%	
19	Đường Trà Bồng Khởi Nghĩa, thành phố Quảng Ngãi (Đoạn từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến đường Quang Trung)	10.000		10.000	5.000	5.000			0,0%	
20	Đường Nguyễn Hữu Cánh	10.000		10.000	5.000	5.000			0,0%	
21	Tuyến đường nối từ đường Trần Anh Tông đến KDC 623C Nghĩa Dũng	10.000		10.000	5.000	5.000			0,0%	
	Minh Long	-		-						
22	Kè sạt lở bờ tả sông Phước Giang (Đoạn từ Đập Suối Lớn đến cầu Long Mai)	24.000		24.000	5.000	19.000		1.582	6,6%	

TT	Đầu mối giao kế hoạch/Tên dự án	Kế hoạch vốn giao năm 2026						Giải ngân đến ngày 31/3/2026		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó							
			Vốn NSTW	Vốn NSDP	Vốn NSDP bao gồm:					
					XDCB tập trung	Nguồn thu tiền SDD	XSKT	Giá trị	Tỷ lệ (%)	
	Đức Phổ	-		-						
23	Khắc phục các điểm sạt lở bờ sông Trà Cầu đoạn qua phường Phổ Minh, thị xã Đức Phổ	20.000		20.000	20.000				0,0%	
	Tur Nghĩa	-		-						
24	Đường Trương Quang Giao, huyện Tur Nghĩa	10.000		10.000		10.000		-	0,0%	
	Nghĩa Hành	-		-						
25	Kè chống sạt lở sông Phước Giang, đoạn qua thị trấn Chợ Chùa	30.000		30.000	20.000	10.000		1.581	5,3%	
	TP Quảng Ngãi	-		-						
31	Nâng cấp, chỉnh trang trục đường Phạm Văn Đồng và Quảng trường thành phố	10.000		10.000	10.000				0,0%	
32	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường BTXM và hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi	15.000		15.000		15.000			0,0%	
33	Đầu tư, nâng cấp các Trường Tiểu học trên địa bàn thành phố	30.000		30.000			30.000		0,0%	
34	Đầu tư, nâng cấp các Trường Mầm non trên địa bàn thành phố	15.000		15.000			15.000	695	4,6%	
35	Xây dựng Trường TH & THCS Chu Văn An, thành phố Quảng Ngãi	40.000		40.000			40.000		0,0%	
36	Đầu tư, nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng công cộng các tuyến đường và thôn hẻm phố trên địa bàn thành phố	10.000		10.000	5.000	5.000			0,0%	
3	Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh									
*	Dự án của tỉnh									
1	Khu dân cư Yên Phú	2.000		2.000		2.000			0,0%	
2	Khu Tái định cư kết hợp phát triển quỹ đất phục vụ xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu tại xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi	100		100		100			0,0%	
3	Khu dân cư Tịnh Kỳ giai đoạn 2	8.000		8.000		8.000			0,0%	
4	Khu dân cư phía Bắc Đường Huỳnh Thúc Kháng	20.000		20.000		20.000			0,0%	
5	Kè và Khu dân cư nam sông Vệ	10.000		10.000		10.000			0,0%	
6	Khu dân cư phía Nam đường Hai Bà Trưng (giai đoạn 1)	5.000		5.000		5.000			0,0%	
7	Đường Chu Văn An và khu dân cư (đoạn từ đường Ngô Sĩ Liên đến đường Hai Bà Trưng)	5.000		5.000		5.000			0,0%	
8	Khu dân cư phục vụ tái định cư Khu II Đê bao, thành phố Quảng Ngãi	25.000		25.000		25.000			0,0%	
*	Dự án của huyện chuyển về tỉnh									
-	Dự án gia hạn thời gian bố trí vốn									
	Sơn Tịnh									
9	Khu dân cư OM6 tại trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới (giai đoạn 2)	10.000		10.000		10.000			0,0%	
10	Khu Thương mại - Dịch vụ và dân cư Tịnh Phong	10.000		10.000		10.000			0,0%	
	Tur Nghĩa	-		-						
11	Khu dân cư dọc đường Cụm Công nghiệp La Hà - Nghĩa Thương	14.000		14.000		14.000			0,0%	
12	KDC phía Đông đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn Sông Vệ	10.000		10.000		10.000			0,0%	
13	Khu dân cư, công viên, hồ điều hòa và quảng trường huyện Tur Nghĩa	10.000		10.000		10.000		306	3,1%	
	Đức Phổ	-		-						
14	Khu dân cư đường Phạm Hữu Nhật	10.000		10.000		10.000			0,0%	
15	Khu dân cư phía Nam đường Lê Thánh Tôn	10.000		10.000		10.000			0,0%	
-	Dự án chuyển tiếp theo tiến độ									
	TP Quảng Ngãi									
1	Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị tại phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi	10.000		10.000		10.000			0,0%	
2	Khu dân cư phía Nam đường Trần Văn Trà	10.000		10.000		10.000		1.234	12,3%	
3	Sơn Tây	-		-						
4	Tái định cư các hộ dân vùng sạt lở KDC Đăk Đép, xã Sơn Mầu, huyện Sơn Tây	10.000		10.000	10.000			9.351	93,5%	
4	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh									
*	Dự án của tỉnh									

TT	Đầu mối giao kế hoạch/Tên dự án	Kế hoạch vốn giao năm 2026						Giải ngân đến ngày 31/3/2026		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó							
			Vốn NSTW	Vốn NSDP	Vốn NSDP bao gồm:					
					XDCB tập trung	Nguồn thu tiền SDD	XSKT	Giá trị	Tỷ lệ (%)	
1	Khu căn cứ Hậu cần - Kỹ thuật	10.000		10.000	4.500	5.500		4.275	42,8%	
2	Đường hầm Sờ chỉ huy cơ bản thị xã Đức phổ	10.000		10.000	10.000			9.500	95,0%	
5	Công an tỉnh									
*	Dự án của tỉnh									
1	Xây dựng trụ sở làm việc cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	150.000		150.000	80.000	70.000		1.444	1,0%	
6	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch									
*	Dự án của tỉnh									
-	Dự án chuyển tiếp theo tiến độ									
1	Tôn tạo di tích Quốc gia Khu chứng tích Sơn Mỹ	15.000		15.000	15.000				0,0%	
7	UBND đặc khu Lý Sơn									
	Hệ thống trữ nước sinh hoạt, kết hợp tưới tiết kiệm nước cho nông nghiệp đảo Lý Sơn	5.000		5.000		5.000			0,0%	